

Tác động của đánh giá chất lượng chương trình đào tạo đại học đến nhận thức và thái độ đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh

Nguyễn Phi Vũ¹, Nguyễn Thị Hảo²

¹Trung tâm nghiên cứu Giáo dục đại học, Hiệp hội các Trường Cao đẳng, Đại học Việt Nam

²Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh

phivu204@yahoo.com, haonguyenpy2@hcmussh.edu.vn

Tóm tắt

Xã hội ngày càng yêu cầu cao đối với chất lượng nguồn nhân lực tốt nghiệp từ các trường đại học Việt Nam. Trước bối cảnh đó, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh (ĐHKHXH&NV) đóng vai trò quan trọng trong việc cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển của đất nước. Bài viết này trình bày kết quả nghiên cứu định lượng về tác động của hoạt động đánh giá chất lượng chương trình đào tạo đến nhận thức và thái độ đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên; trên cơ sở đó sẽ đưa ra những kiến nghị cần thiết nhằm cải tiến chất lượng giảng dạy tại ĐHKHXH&NV. Kết quả nghiên cứu chỉ ra giảng viên có sự thay đổi tích cực trong nhận thức và thái độ đối với hoạt động giảng dạy dưới tác động của hoạt động đánh giá chất lượng chương trình đào tạo. Nghiên cứu này có ý nghĩa thực tiễn cao trong bối cảnh Trường quan tâm đến chất lượng đào tạo trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay.

Nhận 10.01.2018
Được duyệt 26.01.2018
Công bố 01.02.2018

Từ khóa
đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo, nhận
thức và thái độ đối với
hoạt động giảng dạy..

© 2018 Journal science and Technology - NTTU

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa đặt ra những yêu cầu mới đối với người lao động, do đó cũng đặt ra những yêu cầu mới cho sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ và đào tạo nguồn nhân lực. Một trong những định hướng cơ bản của việc đổi mới giáo dục là chuyển từ nền giáo dục mang tính hàn lâm xa rời thực tiễn sang một nền giáo dục chú trọng việc hình thành năng lực hành động, phát huy tính chủ động sáng tạo của người học. Để đạt được điều đó, có nhiều biện pháp được thực hiện, một trong những biện pháp vẫn còn gây hoài nghi cho những người liên quan chính là đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được thực hiện trong thời gian qua.

Để tạo nên chất lượng của chương trình đào tạo không thể không nhắc đến vai trò của đội ngũ giảng dạy có ảnh hưởng to lớn và lâu dài đến người học. Họ ảnh hưởng trực tiếp đến việc người học học như thế nào, học cái gì, hiệu quả học tập đến mức nào. Do vậy, việc tìm hiểu nhận thức và thái độ

của họ có thay đổi theo chiều hướng tích cực dưới tác động của hoạt động đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (ĐGCLCTĐT) là một việc làm có ý nghĩa cấp thiết.

Hiện nay, vấn đề nghiên cứu này chưa nhận được sự quan tâm của các học giả trong nước. Qua tổng quan những tài liệu, chúng tôi chỉ có thể chỉ ra những nghiên cứu liên quan đến hoạt động kiểm tra đánh giá học tập, công tác đảm bảo chất lượng của nhà trường và tổ chức hoạt động dạy học ở đại học (Nguyễn Thị Hồng Thắm, 2004). Trên thế giới, vấn đề nghiên cứu này thu hút được sự quan tâm của cộng đồng nghiên cứu. Cụ thể, nhóm tác giả Orlanda Tavares, Cristina Sin, Pedro Videira & Alberto Amaral (2016) nghiên cứu về ảnh hưởng của đảm bảo chất lượng bên trong lên hoạt động dạy và học đã chỉ ra mặc dù có sự tác động tích cực của công tác bảo đảm chất lượng nội bộ lên sự nâng cao nhận thức về chất lượng giảng dạy nhưng trong thực tế ảnh hưởng lại diễn ra theo xu hướng gia tăng sự quan liêu trong hoạt động quản lý hơn là cải tiến bền vững hoạt động giảng dạy và học tập. Bên cạnh đó, việc sử dụng thông tin để cải



tiến và tăng cường sự đóng góp của giảng viên trong việc nâng cao công tác đảm bảo chất lượng đã tạo ra những thay đổi tích cực trong hoạt động dạy và học. Dựa vào kết quả nghiên cứu nhóm tác giả đã đề xuất những giải pháp cải tiến dành cho các đơn vị có liên quan. Một nghiên cứu khác của Sara Bubb và Peter Earley (2008), về “Tự đánh giá để cải thiện trường: tầm quan trọng của việc phát triển đội ngũ nhân viên hiệu quả” (Self – evaluation to school improvement: the importance of effective staff development) cho thấy sự ra đời của Tự đánh giá đã làm ảnh hưởng tích cực đến chất lượng giáo dục của trường, phương pháp thực hiện bằng nhiều cách, bao gồm: khuyến khích hoàn toàn và mở rộng phạm vi đánh giá công việc của trường; cung cấp sự hiểu biết hơn về việc tự đánh giá; đòi hỏi nhiều người tham gia vào công việc Tự đánh giá; chú ý và cam kết đến các hoạt động của các bên liên quan. Hoàn thiện Tự đánh giá có thể làm cho mọi người nhận ra sự cần thiết phải thay đổi các định hướng chiến lược của trường và suy nghĩ ưu tiên để cải tiến (James H. Stronge, 2007). Liên quan đến vấn đề này cũng có thể kể đến một nghiên cứu khác của Hiệp hội các trường Trung học, đại học của New England thực hiện năm 2006 về ảnh hưởng của kiểm định lên chất lượng giáo dục với mục tiêu chính là đo lường ảnh hưởng của kiểm định đến chất lượng giáo dục của các trường thành viên bao gồm cả những trường công lập và tư thục từ tiểu học đến đại học. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra sự ảnh hưởng sâu sắc và lâu dài của của kiểm định đến chất lượng giáo dục của các trường tham gia vào mẫu khảo sát.

Trong bài viết này, một số khái niệm cơ bản được hiểu như sau:

Chương trình đào tạo: hiện nay có hai thuật ngữ liên quan đến chương trình đào tạo đó là chương trình đào tạo của một ngành học (Program) và chương trình dạy học (Curriculum). Trong nghiên cứu này chúng tôi dùng thuật ngữ chương trình đào tạo của một ngành học (program). Theo đó, “Chương trình đào tạo của một ngành học (Program) ở một trình độ cụ thể bao gồm: Mục tiêu, chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp: nội dung, phương pháp và hoạt động đào tạo; Điều kiện cơ sở vật chất – kỹ thuật, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động học thuật của đơn vị được giao nhiệm vụ triển khai đào tạo ngành học đó” (BGD&ĐT, 2016).

Đánh giá chất lượng chương trình đào tạo: Hoạt động giảng dạy của giảng viên được xem là một bộ phận cấu thành quá trình dạy học hay hoạt động dạy học. Trong đó, quá trình dạy học hay hoạt động dạy học được hiểu là quá trình thống nhất biện chứng giữa hoạt động dạy của người giảng viên và hoạt động học của sinh viên nhằm thực hiện các nhiệm vụ dạy học. Theo đó, giảng viên đóng vai trò là chủ thể của

hoạt động dạy trong khi sinh viên đóng vai trò là chủ thể của hoạt động học. Với vai trò chủ thể của hoạt động giảng dạy, người giảng viên giữ vai trò chủ đạo trong việc tổ chức, điều khiển, lãnh đạo hoạt động học của sinh viên. Giảng viên là người chủ động đề ra mục đích, yêu cầu nhận thức của sinh viên; thiết kế hoạt động dạy học; tổ chức hoạt động dạy và học trên lớp; kích thích và duy trì tính tích cực và chủ động của sinh viên; kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên để điều chỉnh và sửa chữa kịp thời. (Nguyễn Thị Bích Hạnh & Trần Thị Hương, 2004)

Bộ tiêu chuẩn đánh giá cấp chương trình đào tạo theo AUN-QA

2. Tổ chức nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện trong năm học 2015-2016 tại các Khoa đã tham gia đánh giá và được công nhận chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn AUN-QA trước tháng 5/2016 như: Quan hệ Quốc tế, Ngữ văn Anh, Báo chí – Truyền thông và Việt Nam học. Mục tiêu chính tìm hiểu tác động của hoạt động ĐGCLCTĐT đến nhận thức và thái độ đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên qua cảm nhận, ý kiến từ chính giảng viên chứ không nhằm tìm hiểu về hoạt động học tập của sinh viên trong mối quan hệ biện chứng với hoạt động dạy cũng như đánh giá của sinh viên về hoạt động dạy học của giảng viên.

Trong nghiên cứu này sử dụng chủ yếu phương pháp nghiên cứu tài liệu và phương pháp điều tra giáo dục. Qua phương pháp nghiên cứu tài liệu, sách và tài liệu có nội dung liên quan đến hoạt động dạy học, ĐGCLCTĐT theo chuẩn AUN-QA được phân tích và tổng hợp nhằm phục vụ cho mục tiêu nghiên cứu. Phương pháp điều tra giáo dục được thực hiện trên 50 mẫu nghiên cứu của các Khoa Quan hệ Quốc tế, Ngữ văn Anh, Báo chí – Truyền thông và Việt Nam học. Dữ liệu điều tra được xử lý bằng phần mềm SPSS với các đại lượng thống kê mô tả và kiểm định phù hợp.

3. Kết quả và thảo luận

3.1 Mô tả mẫu khảo sát

Bảng 1. Giới tính của mẫu khảo sát

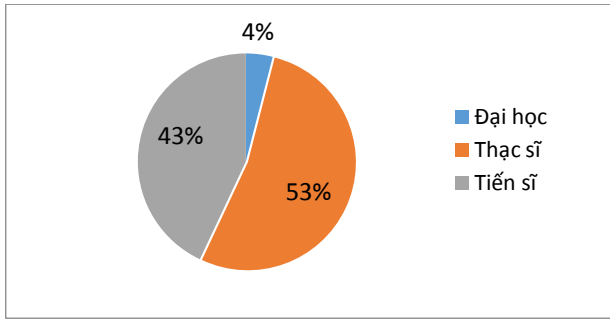
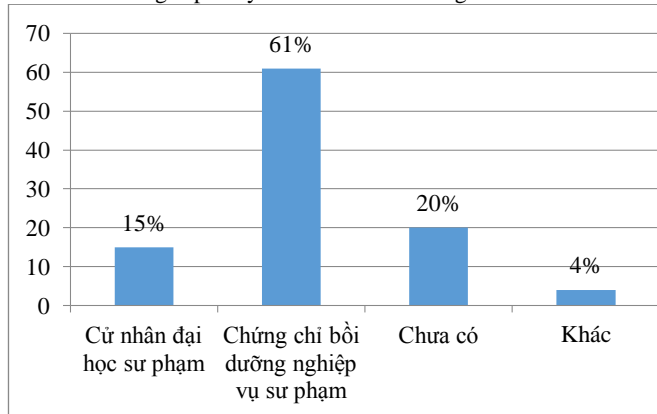
Giới tính	Tần số	Tỉ lệ (%)
Nam	23	46
Nữ	27	54
Tổng cộng	50	100

Theo kết quả khảo sát cho thấy, trong 50 người trả lời cho câu hỏi về giới tính thì có 23 GV, chiếm tỷ lệ 46% là Nam và 27 GV, chiếm tỷ lệ 54% là nữ. Tỷ lệ này phản ánh được thực tế tỷ lệ nữ GV của các Khoa trong mẫu khảo sát luôn cao hơn tỷ lệ nam GV.

Bảng 2. Tuổi và thâm niên giảng dạy của GV tham gia khảo sát

Nội dung	N	Trung bình	ĐLC
Tuổi	51	40.9	8.9
Thâm niên giảng dạy	51	14.1	9.5

Với kết quả bảng 2 cho thấy, trung bình tuổi của GV tham gia trả lời phiếu hỏi là 41 tuổi và trung bình số năm giảng dạy là 14 năm. Với độ lệch chuẩn tương đối lớn (9.5) của thâm niên giảng dạy cho thấy có sự chênh lệch lớn về số năm kinh nghiệm giữa những người tham gia mẫu khảo sát. Điều này rất dễ lý giải vì hiện nay ngoài việc tuyển dụng những ứng viên có bằng thạc sĩ trở lên vào ngạch giảng dạy trường còn có một kênh tuyển dụng truyền thống là giữ các cử nhân xuất sắc ở lại Khoa để đào tạo trở thành GV trong tương lai. Kết quả biểu đồ 2.1 cũng phản ánh thực tế đó với 4% mẫu khảo sát có bằng đại học. Tỷ lệ GV có bằng thạc sĩ chiếm 53% và tỷ lệ GV có bằng tiến sĩ chiếm 43% trong mẫu khảo sát.

**Biểu đồ 1.** Bảng cấp chuyên môn của GV trong mẫu khảo sát**Biểu đồ 2.** Văn bằng, chứng chỉ sự phạm GV trong mẫu khảo sát đã đạt được

Nhìn vào biểu đồ 2 cho thấy vẫn còn 20% GV chưa có văn bằng hay chứng chỉ về nghiệp vụ sư phạm. Tỷ lệ GV xuất thân từ các chương trình cử nhân sư phạm chiếm 15%, trong khi có 61% GV được đào tạo qua các chương trình ngắn hạn cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm. Ngoài ra có 4% GV có chứng chỉ lý luận dạy học đại học. Tham gia mẫu khảo sát này có 94% là GV cơ hữu của trường, chỉ có 6% là GV thỉnh giảng.

Từ bảng 3 cho thấy, tỷ lệ GV đến từ các ngành đào tạo xấp

xi nhau với 26% GV ngành Việt Nam học, 27% ngành Ngữ văn Anh, 25% ngành Quan hệ Quốc tế và 22% ngành Báo chí – Truyền thông. Trong tương quan với tổng số GV cơ hữu thực có đến từ các ngành đào tạo thì GV ngành Ngữ văn Anh chiếm tỷ lệ thấp nhất.

Bảng 3. Chương trình giảng dạy GV đang tham gia chính

Khoa	Tần số	Tỷ lệ (%)
Việt Nam học	13	26
Ngữ văn Anh	14	27
Quan hệ quốc tế	13	25
Báo chí – Truyền thông	11	22
Tổng cộng	51	100

Như vậy, từ việc khảo sát các biến nhân khẩu học liên quan đến GV ĐHKHXH&NV đã cho chúng ta thấy được bức tranh chất lượng GV tham gia các chương trình đào tạo được đánh giá tại các Khoa. Các Khoa có đội ngũ GV mạnh với bằng cấp chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm đáp ứng qui định trình độ GV đại học, phụ trách phần lớn nội dung giảng dạy ở khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo, có thâm niên giảng dạy cao và phần lớn lại là GV cơ hữu của các Khoa. Đây là một điều kiện thuận lợi giúp các Khoa chủ động hơn về chất lượng đào tạo trong bối cảnh xã hội có nhiều phản ứng với chất lượng người lao động tốt nghiệp từ các chương trình đào tạo của các trường đại học ở Việt Nam.

3.2 Kết quả khảo sát về tác động của đánh giá chất lượng chương trình đào tạo đến nhận thức và thái độ đối với hoạt động dạy của giảng viên tại ĐHKHXH&NV

Bảng hỏi khảo sát chính của nghiên cứu này sử dụng thang đo Likert 5 mức từ (1) hoàn toàn không đồng ý đến (5) rất đồng ý và giảng viên được yêu cầu cho điểm về mức độ đồng ý đối với từng phát biểu vào hai thời điểm khác nhau: thời điểm trước khi Khoa tham gia ĐGCLCTĐT (viết tắt là Trước) và thời điểm trong và sau khi Khoa được ĐGCLCTĐT (viết tắt là Trong và Sau). Kết quả khảo sát được xử lý theo trị trung bình và độ lệch chuẩn. Kết quả khảo sát được trình bày trong các bảng sau:

Bảng 4. Sự thay đổi nhận thức của GV về hoạt động dạy học vào các thời điểm Trước, Trong và Sau khi Khoa ĐG CLCTĐT

Thời điểm	N	TB	ĐLC	Sig.	Nội dung
Trước	50	3.2	1.04	0.000	Tôi hiểu rõ sứ mạng, triết lý giáo dục của nhà trường
Trong và Sau	50	4.2	0.85		
Trước	51	3.7	1.00	0.000	Tôi hiểu rõ chương trình đào tạo của Khoa
Trong và Sau	51	4.5	0.67		

Kết quả khảo sát ở bảng 4 cho thấy: Trước khi Khoa tham gia ĐGCLCTĐT mức độ đồng ý với phát biểu *Tôi hiểu rõ sứ mạng, triết lý giáo dục của nhà trường* chỉ đạt trị trung bình 3.2, trong khi đó Trong và Sau khi khoa được ĐGCLCTĐT mức độ đồng ý của GV tăng lên 4.2. Mặt

khác, với độ lệch chuẩn thấp của thời điểm Trong và Sau cho thấy kiến của GV về vấn đề này đồng nhất hơn so với thời điểm Trước.

Với phát biểu *Tôi hiểu rõ chương trình đào tạo của Khoa* cũng có kết quả khảo sát tương tự như phát biểu *Tôi hiểu rõ sứ mạng, triết lý giáo dục của nhà trường*, điều đó có nghĩa là GV thể hiện sự hiểu biết tốt hơn về chương trình đào tạo của Khoa ở thời điểm Trong và Sau khi khoa được ĐGCLCTĐT so với thời điểm trước đó. Với độ lệch chuẩn thấp ở trả lời cho thời điểm Trong và Sau chứng tỏ GV có sự thống nhất cao. Nếu so sánh phát biểu *Tôi hiểu rõ sứ mạng, triết lý giáo dục của nhà trường* thì phát biểu *Tôi hiểu rõ chương trình đào tạo của Khoa* có trị trung bình cao hơn và độ lệch chuẩn thấp hơn ở cả hai thời điểm Trước lẫn Trong và Sau. Qua đó cho thấy GV có sự hiểu biết rõ hơn về chương trình đào tạo mà họ tham gia trực tiếp hơn là hiểu biết về triết lý giáo dục của nhà trường. Đây cũng là điều dễ hiểu vì quá trình chuẩn bị cho việc ĐGCLCTĐT, GV được yêu cầu điều chỉnh đề cương môn học và tham gia nhiều lần họp để hiểu rõ hơn về chương trình đào tạo của Khoa. Kết quả kiểm định sự khác biệt về trị trung bình cho thấy có khác biệt về mặt thống kê (sig.=0.000).

Kết quả này cho thấy ĐGCLCTĐT đã làm thay đổi nhận thức của GV về triết lý giáo dục của Trường, chương trình đào tạo của Khoa. Đây là tiền đề quan trọng giúp GV gắn bó và làm tốt công tác giảng dạy của bản thân và chắc chắn sẽ cống hiến và theo đuổi triết lý giáo dục đó trong hoạt động nghề nghiệp của họ. Mặt khác, việc hiểu rõ chương trình đào tạo sẽ giúp cho GV có cơ sở cải tiến, nâng cao chất lượng giảng dạy môn học mình phụ trách hơn. Đây là những dấu hiệu rất tốt giúp cho việc cải tiến hoạt động liên tục của GV diễn ra trong tương lai.

Bảng 5. Sự thay đổi trong thái độ của GV về hoạt động dạy học vào các thời điểm Trước, Trong và Sau khi Khoa ĐGCLCTĐT

Thời điểm	N	TB	ĐLC	Sig.	Nội dung
Trước	50	4.0	0.96	0.000	Tôi luôn chú ý đến việc cải tiến hoạt động giảng dạy
Trong và Sau	50	4.7	0.57		
Trước	50	3.7	0.90	0.000	Mọi người có trách nhiệm đối với hoạt động giảng dạy của bản thân
Trong và Sau	50	4.4	0.70		
Trước	51	3.7	0.99	0.000	Cảm nhận được yêu cầu, đòi hỏi cao của xã hội đối với môn học của mình
Trong và Sau	51	4.4	0.78		
Trước	51	4.0	0.99	0.000	Tôi luôn suy nghĩ đến việc cải tiến hoạt động giảng dạy sau mỗi buổi học
Trong và Sau	51	4.6	0.72		
Trước	51	3.9	1.00	0.000	Tôi nghĩ rằng mình đầu tư nhiều thời gian vào việc chuẩn bị bài giảng
Trong và Sau	51	4.6	0.76		
Trước	51	2.3	1.59	0.424	Tôi nghĩ rằng giảng dạy và đánh giá học tập là hai việc không liên quan nhau nhiều lắm
Trong và Sau	51	2.2	1.56		
Trước	49	4.4	6.06	0.948	Tôi rất thận trọng trong lựa chọn nội dung và công cụ, phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV
Trong và Sau	49	4.3	0.97		
Trước	50	4.3	0.93	0.026	Tôi yêu thích việc giảng dạy
Trong và Sau	50	4.5	0.74		
Trước	48	4.2	0.78	0.001	Tôi nghĩ rằng SV hài lòng với giờ giảng của tôi
Trong và Sau	48	4.6	0.61		
Trước	50	4.1	0.87	0.001	Tôi cảm thấy tự tin với mỗi bài giảng của mình
Trong và Sau	50	4.6	0.63		

Với *Tôi luôn chú ý đến việc cải tiến hoạt động giảng dạy* thu được trị trung bình 4.0 và độ lệch chuẩn 0.96 cho đánh giá thời điểm Trước và với thời điểm Trong và Sau trị trung bình có được 4.7 và độ lệch chuẩn 0.57. Từ kết quả này có thể thấy rõ sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trong đánh giá của GV đối với việc chú ý đến cải tiến hoạt động giảng dạy Trước và Trong, Sau khi chương trình đào tạo của Khoa được đánh giá chất lượng (sig. =0.00). Cụ thể, GV đồng ý cao hơn với phát biểu cho thời điểm Trong và Sau so với thời điểm Trước. Điều đó cho thấy ĐGCLCTĐT thực sự có tác động tích cực đến thái độ sẵn sàng cải tiến hoạt động giảng dạy của GV. Với độ lệch chuẩn khá bé (0.57) chứng tỏ GV có sự đồng thuận cao trong ý kiến đối với trả lời cho thời điểm Trong và Sau.

Với phát biểu *Mọi người có trách nhiệm đối với hoạt động giảng dạy của bản thân* cũng nhận được kết quả tương tự như trên. Kết quả khảo sát về sự đồng ý của GV đối với phát biểu này nhận được trị trung bình 4.0 và 4.7 tương ứng cho hai thời điểm Trước, Trong và Sau khi chương trình đào tạo của Khoa được đánh giá chất lượng. Kết quả kiểm định cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê (sig.=0.000). Điều này có thể được lý giải như sau: dưới áp lực của việc lấy ý kiến nhận xét từ sinh viên và đánh giá giờ giảng của đồng nghiệp thông qua hoạt động dự giờ, GV tự thấy mình cần phải có trách nhiệm cao hơn với hoạt động giảng dạy nếu không muốn ảnh hưởng đến uy tín nghề nghiệp vì phản hồi không tốt từ người học và đồng nghiệp của họ. ĐGCLCTĐT đã có tác động tích cực đến tinh thần trách nhiệm đối với hoạt động giảng dạy của GV. Ngoài ra một lý do khác cũng có thể sử dụng để lý giải cho sự thay đổi thái độ trách nhiệm đối với hoạt động giảng dạy của GV chính là GV đã có sự *Cảm nhận được yêu cầu, đòi hỏi cao của xã hội đối với môn học của mình*. Kết quả khảo sát cũng chỉ ra sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê đối với việc cảm nhận được yêu cầu, đòi hỏi cao đối với môn học GV phụ trách (sig.=0.000) với trị trung bình của Trước (3.7) nhỏ hơn Trong và Sau (4.4). Từ đây có thể thấy, qua quá trình thực hiện ĐGCLCTĐT GV có cơ hội làm việc nhiều hơn với cựu sinh viên, nhà tuyển dụng thông qua các cuộc gặp mặt trao đổi, lấy ý kiến phản hồi về chất lượng chương trình đào tạo của Khoa. Đến lúc này họ sẽ nhận ra được ý nghĩa của môn học đối với chương trình và cũng thấy được nhu cầu, đòi hỏi của xã hội đối với năng lực của người lao động tốt nghiệp từ chuyên ngành đào tạo của Khoa, trong đó có chỉ rõ những kiến thức, kỹ năng và phẩm chất do môn học mình phụ trách. Từ đó thái độ của GV thay đổi hướng đến việc không ngừng hoàn thiện và cải tiến giảng dạy môn học để đáp ứng được đòi hỏi và nhu cầu của xã hội dành cho môn học của mình.

Xuất phát từ đòi hỏi, yêu cầu của xã hội đối với môn học của mình, GV *luôn suy nghĩ đến việc cải tiến hoạt động giảng dạy sau mỗi buổi học và đầu tư nhiều thời gian vào*

việc chuẩn bị bài giảng. Chúng tôi cũng thu được kết quả tương tự so với các phát biểu khác về sự thay đổi trong thái độ của GV đối với hoạt động giảng dạy. Cụ thể, GV có mức độ đồng ý với mỗi phát biểu ở thời điểm Trước luôn thấp hơn nhiều so với thời điểm Trong và Sau. Kiểm định sự khác biệt trong mức độ đồng ý cũng chỉ ra sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê với trị số sig. rất bé ($=0.000$). Như vậy, có thể thấy tác động tích cực của ĐGCLCTĐT đến thái độ tích cực của GV đối với việc cải tiến và đầu tư kỹ cho hoạt động giảng dạy của mỗi GV.

Kết quả kiểm định sự khác biệt về mức độ đồng ý cho các phát biểu sau: *Tôi nghĩ rằng giảng dạy và đánh giá học tập là hai việc không liên quan nhau nhiều lắm* và *Tôi rất thận trọng trong lựa chọn nội dung và công cụ, phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV* không thể hiện được sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa hai thời điểm liên quan. Phát biểu *Tôi nghĩ rằng giảng dạy và đánh giá học tập là hai việc không liên quan nhau nhiều lắm* nhận được trị trung bình rất thấp ở cả hai thời điểm đánh giá (2.3 và 2.2) chứng tỏ GV trường ĐHKHXH&NV có hiểu biết khá tốt về vấn đề này. Thêm vào đó phát biểu *Tôi rất thận trọng trong lựa chọn nội dung và công cụ, phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV* lại nhận được trị trung bình khá cao cho cả hai thời điểm (4.4 và 4.3) cũng chứng tỏ rằng GV đã có sự thận trọng đối với việc lựa chọn nội dung, công cụ và phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV.

Tôi yêu thích việc giảng dạy; Tôi nghĩ rằng SV hài lòng với giờ giảng của tôi; Tôi cảm thấy tự tin với mỗi bài giảng của mình đều thể hiện sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê

với độ tin cậy 95% giữa hai thời điểm Trước, Trong và Sau chương trình đào tạo của Khoa được đánh giá chất lượng. Đây là những thay đổi tích cực do ĐGCLCTĐT mang lại.

Tóm lại, dưới tác động của ĐGCLCTĐT GV đã có những chuyển biến tích cực về nhận thức và thái độ đối với hoạt động dạy học. Đây là một minh chứng vững chắc giúp cho nhà trường tiếp tục hoàn thiện và đẩy mạnh hoạt động đảm bảo chất lượng trong quá trình phát triển của nhà trường. Kết quả nghiên cứu này cũng giúp cho GV các Khoa vững tin vào ý nghĩa và hiệu quả của việc tham gia vào quá trình ĐGCLCTĐT hiện nay.

4. Kết luận và đề xuất

Bài viết đã phân tích được tác động của ĐGCLCTĐT đến nhận thức và thái độ của GV trường ĐHKHXH&NV đối với hoạt động giảng dạy. Kết quả nghiên cứu chỉ ra hoạt động ĐGCLCTĐT có ảnh hưởng tích cực đến nhận thức và thái độ của GV trường ĐHKHXH&NV đối với hoạt động giảng dạy tại trường. Tuy nhiên, để tác động của ĐGCLCTĐT đến nhận thức và thái độ của GV toàn trường ĐHKHXH&NV, không chỉ riêng các Khoa đã và đang thực hiện đánh giá thì nhà trường cần tổ chức các buổi tọa đàm hoặc chuyên đề để giao lưu, chia sẻ thực tiễn hay của hoạt động ĐGCLCTĐT đến nhận thức và thái độ của GV. Có được điều này sẽ giúp GV các Khoa có kế hoạch ĐGCLCTĐT trong thời gian tới chủ động hơn, sẵn sàng hơn đối với hoạt động này, nhờ đó chất lượng đào tạo sẽ được nâng cao hơn.

Tài liệu tham khảo

27. Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 03 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, 2016
28. Nguyễn Thị Bích Hạnh, Trần Thị Hương. Lý luận dạy học. Tài liệu lưu hành nội bộ, 2004
29. James H. Stronge. (người dịch Lê Văn Canh). Những phẩm chất của người giáo viên hiệu quả. NXB. Giáo dục Việt Nam, 2007
30. Nguyễn Thị Hồng Thắm. Cải tiến công tác đánh giá chất lượng học tập của sinh viên trong lớp học tại trường Đại học Khoa học – Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, đề tài NCKH cấp trường, TP. HCM, 2004
31. New England Association of Schools and Colleges. The Impact of Accreditation on the Quality of Education: Results of the Resional Accreditation & Quality of Education Survey, 2006. Truy cập từ web https://www.neasc.org/downloads/SURVEY_REPORT_IN_FULL.pdf, ngày 2 tháng 2 năm 2017
32. Orlanda Tavares, Cristina Sin, Pedro Videira & Alberto Amaral. The impact of internal assurance on teaching and learning in academics' perceptions. 11th European Quality Assurance Forum, 2016

Impact of undergraduate program evaluation on lecturers' cognitions and attitudes of teaching activities at University of Social Sciences and Humanities – Vietnam National University

Nguyen Phi Vu, Nguyen Thi Hao

University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University HCM City

Abstract Vietnamese society has increasing high demand for workforce graduated from higher education. To meet this demand, University of Social Sciences and Humanities – Vietnam National University Ho Chi Minh City (HCMUSSH) will continue to play an important role in providing high quality education to Vietnases for development of the nation. This paper reports the results of the one-year mixed methods study conducted at HCMUSSH. The particular focus of the study was analyzing the impact of undergraduate program evaluation on lecturers' cognitions and attitudes of teaching activities; recommending solutions to improve quality of teaching at the University. The results indicated that lecturers had changed their cognitions and attitudes positively under the impact of undergraduate program evaluation. This study is significant for teaching quality improvement at HCMUSSH in the context of globalization.

Keywords undergraduate program evaluation, cognitions and attitudes of teaching activities